

Bản án số: 31/2020/HS-PT  
Ngày: 27- 4-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* Trần Thị Ngọc D (chị Hai), sinh năm 1956 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); chồng: Ngô Văn C (chết); con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 19 tháng 01 năm 2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 60.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm (chưa nộp phạt); bị cáo tại ngoại; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Nghệ A là luật sư - Văn phòng luật sư Nguyễn Nghệ A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/01/2018, Trần Thị Ngọc D bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm với số tiền 60.000.000 đồng (chưa đóng phạt). Sáng ngày 05/9/2019, bị cáo Trần Thị Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx chở 330 bao thuốc lá (gồm 90 bao

Jet, 150 bao Scott, 50 bao Caraven “A”, 40 bao 555) mua của một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) ở tỉnh Tiền Giang để đem về tỉnh Bến Tre bán kiếm lời. Trên đường chở số thuốc lá ngoại nhập trên về đến ấp Đ, xã PĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng tuần tra Công an xã PĐ kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 330 bao thuốc lá (90 bao Jet, 150 bao Scott, 50 bao Caraven “A”, 40 bao 555); 01 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx, màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu Honda, loại Wave, số khung: RLHJA39-08HY412993, số máy: JA39E-0388140.

Ngày 16/9/2019, Hiệp hội thuốc lá Việt Nam có Công văn số 75/CV-2019 HHTLVN xác định: 90 bao Jet, 150 bao Scott, 50 bao Caraven “A”, 40 bao 555 là thuốc lá điều nhập lậu.

Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre xác định: xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx là của Huỳnh Thanh Tr, việc bị cáo D mượn xe của anh Tr để đi mua thuốc lá điều nhập lậu anh Tr hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tr.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D (chị Hai) phạm “Tội buôn bán hàng cấm”;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 17/01/2020 bị cáo Trần Thị Ngọc D kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm “Tội buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 năm tù về “Tội buôn bán hàng cấm”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo tranh luận: không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: bị cáo thực hiện hành vi buôn bán 330 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu, tuy chưa đủ định lượng nhưng trước đó do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về “Tội buôn bán hàng cấm” là đúng pháp luật, tuy nhiên mức hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bản thân bị cáo bị bệnh tiểu đường đã 20 năm, đang điều trị và đã biến chứng sang bệnh tim mạch; bị cáo cũng có đơn xin được đi khám bệnh để có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh về tình trạng bệnh của bị cáo, nếu bị cáo có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh về tình trạng bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hiện tại bị cáo không có kết luận của bệnh viện về tình trạng mắc bệnh hiểm nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 19/01/2018 với số tiền 60.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều ngoại nhập lậu chưa nộp phạt. Nhưng vào ngày 05/9/2019, bị cáo Trần Thị Ngọc D tiếp tục có hành vi điều khiển xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx qua tỉnh Tiền Giang mua 330 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu (gồm 90 bao JET, 150 bao SCOTT, 50 bao CARAVEN “A” và 40 bao 555) để bán lại kiếm lời. Khi bị cáo D vận chuyển 330 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu về đến ấp Đ, xã PD, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an xã PD kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật. Với ý thức, hành vi, số lượng hàng phạm pháp và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và

tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm “Tội buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc D yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người con được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tặng giấy khen, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 01 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người con được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tặng giấy khen theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở trên; ngoài ra bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ như mới phạm tội lần đầu, khi phạm tội là người cao tuổi, bị bệnh tim và tiểu đường. Tuy nhiên xét thấy; bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu quy định tại Điều 190 của Bộ luật Hình sự nhưng vẫn chưa nộp phạt, điều đó cho thấy bị cáo đã nhận thức được hành vi buôn bán hàng cấm thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, mục đích kiếm lời, bị cáo vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi dùng xe mô tô đi mua 330 bao thuốc lá điều nhập lậu để bán lại kiếm lời, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, kinh doanh một số loại hàng cấm. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; do bị cáo đã có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc D (Chị Hai); giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 (một) năm tù về “Tội buôn bán hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Trần Thị Ngọc D được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện C (3b);
- Công an huyện C (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã T, huyện C (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Văn Thông**